

THĂM NGÀNH CHĂN NUÔI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN MÔNG CỔ

VŨ THỊ KIM THỊNH

VỚI thời gian 10 ngày sống trên đất nước Mông Cổ rộng mênh mông, cuộc đi thăm của chúng tôi thật là ngắn ngủi, song những nơi đã đến thăm, đều để lại cho chúng tôi những ấn tượng tốt đẹp về tình đồng chí thăm thiết và về sự giàu đẹp của đất nước bạn.

Mông cổ có truyền thống chăn nuôi lâu đời, với gần 15 triệu cừu, trên 2 triệu ngựa, gần 2,5 triệu bò, 4,5 triệu dê, gần 700 nghìn lạc đà, Tổng cộng khoảng 24 triệu gia súc.

Mông Cổ có 258 hợp tác xã và 47 nông trường. Mỗi hợp tác xã bình quân có 450.000 hecta với 70.000 đầu gia súc, một nông trường bình quân có 11.000 hecta với 36.000 đầu gia súc. Đồng cỏ tự nhiên cung cấp 90% tổng số thức ăn cho chăn nuôi.

Vì thời gian có hạn nên chúng tôi không thể đi sâu riêng về từng ngành chăn nuôi của Mông Cổ.

Chúng tôi đã tới thăm Viện nghiên cứu Đồng cỏ và thức ăn gia súc. Toàn Viện có 230 người, trong đó có 80 cán bộ khoa học và 60 trợ lý, 2 tiến sĩ, 12 phó tiến sĩ, 8 nghiên cứu sinh hàm thụ.

Nhiệm vụ của Viện là sử dụng hợp lý đồng cỏ thiên nhiên, cải tạo đồng cỏ nhân tạo, chọn giống cỏ thích hợp cho từng vùng, tổ chức chế biến thức ăn kiểu công nghiệp và cuối cùng là nghiên cứu vấn đề kinh tế: hạ giá thành sản phẩm.

Do kết quả nghiên cứu và xây dựng của mình, đến nay Mông Cổ đã có xưởng chế biến thuốc trừ sâu bảo vệ đồng cỏ bằng phương pháp vi sinh vật. Năm qua đã áp dụng thử cho 25.000 hecta, Mông Cổ đã lai tạo giống cỏ nhập nội với cỏ địa phương, tạo ra giống cỏ ba lá mới chịu lạnh, chịu hạn rất giỏi. Nước bạn cũng đã lựa chọn được những giống cỏ hòa thảo chịu hạn giỏi, năng suất cao.

Chúng tôi cũng đã đến thăm Viện Chăn nuôi-thú y, với 256 cán bộ, 114 cán bộ nghiên cứu, 88 trợ lý, 4 tiến sĩ, 34 phó tiến sĩ. Những dãy nhà 3 tầng của Viện đẹp đẽ, khang trang, với trang thiết bị khá hiện đại, với những phòng phân tích khoáng chất bằng quang phổ, cho kết quả phân tích rất nhanh, với phòng phân tích vitamin A, C, B1, B2 v.v... bằng phương pháp hóa học...

Viện đã lai tạo được hai giống cừu mới, so với giống cừu địa phương chỉ đạt trọng lượng 45-50 kg, cho 1 kg len/năm thì giống «Ockhon» do Viện tạo ra (được công nhận năm 1961) có trọng lượng 60-70 kg, đạt 3 kg len/năm. Năm 1977 Viện lại thêm giống cừu mới «Khăng gai» được Nhà nước công nhận. Giống cừu này có trọng lượng đạt 80-120 kg, cho 3,5-4 kg len/năm. Những giống cừu này ra đời cũng bằng con đường lai tạo giữa giống cừu lông mịn nhập nội và giống cừu lông thô địa phương.

Phương hướng giống trong chăn nuôi cừu của Mông Cổ rất rõ ràng: từ nay tới 1980 chỉ phấn đấu 3 triệu cừu «lông mịn» và «1/2 mịn», phù hợp với khả năng đồng cỏ nhân tạo và chuồng trại đã xây dựng để bảo vệ đàn gia súc non. Còn trên 10 triệu cừu của Mông Cổ vẫn là giống địa phương, cho lai kinh tế giữa cừu ngoại với nội và nội với nội để thích hợp với đồng cỏ tự nhiên chưa được cải tạo, hợp với cách nuôi cừu cổ truyền (sống hàng bầy dưới tuyết, không có nhà che).

Phương hướng giống trong ngành chăn nuôi bò cũng rất rõ. Để tạo ra đàn bò sữa, Mông Cổ đã nhập nội đàn bò lang trắng đen (đạt sản lượng sữa 3500 kg-3600 kg/con/năm). Nhập đàn bò Đỏ thảo nguyên, bò Alatau, bò Simentan cho sản lượng sữa trung bình 2500-3000 kg/con/năm. Những bò này nuôi ở cơ sở có đồng cỏ cải tạo, có chuồng trại hiện

đại, cơ giới hóa... và có thức ăn tinh bổ sung. Đàn bò ngoại thuần này mới có khoảng trên 1 vạn con. Mông Cổ dùng đàn này để lai với bò địa phương để tạo ra bò sữa và bò kiêm dụng trong phạm vi nhất định. Phần còn lại, trên 2 triệu bò địa phương của Mông Cổ là bò thịt; Mông Cổ dùng con Xa lặc đầu trắng của Nga để lai kinh tế rộng rãi, còn ở vùng núi cao rét nhiều thì dùng bò Tây Tạng (bò rừng địa phương) lai với bò thịt. Tất cả những đàn bò này không cần bổ sung thức ăn tinh và chủ yếu phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất thịt.

Với sự giúp đỡ của Hội đồng Tương trợ kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa, Mông Cổ đang tiến bước vững chắc trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế Mông Cổ (vốn là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu trước cách mạng).

Cùng với các xí nghiệp thịt công nghiệp, trại bò cơ khí hóa, trại lợn cơ khí hóa, xí nghiệp sản xuất thức ăn cơ khí hóa, xí nghiệp làm da, dệt thảm len, việc cơ khí hóa ngành thú y và xí nghiệp thuốc sinh hóa của Mông Cổ cũng có những thành tựu thật khả quan. Năm 1958 đã thanh toán xong bệnh lở mồm long móng, đang tiến tới tiêu diệt bệnh lao. Thuốc thú y, ngoài việc sản xuất vắc xin phục vụ đủ cho 24 triệu gia súc, Mông Cổ còn xuất sang Hung ga ri (9 loại) và Liên Xô (5 loại). Sản phẩm của nhà máy là 40 loại vắc xin và gần 20 loại thuốc chuẩn đoán bệnh, trong đó có 2 loại vắc xin phòng micoplasma gây cận sữa, mù mắt bò, và viêm phổi dê.

Qua khảo sát ngành chăn nuôi Mông Cổ, chúng tôi rút ra được một số điểm nhận thức bổ ích:

1/ Về công tác giống: con vật và ngoại cảnh là một thể thống nhất, không thể tách rời. Trong hoàn cảnh thức ăn thiên nhiên của Mông Cổ chiếm 90%, bạn đã coi bò thịt địa phương, cừu địa phương là con vật thích ứng với hoàn cảnh địa phương tốt nhất. Song luôn luôn sử dụng liên hệ ưu thế lai, tuy chỉ là lai nội X nội. Ở Việt Nam, nếu thức ăn thất thường như hiện nay, càng không nên coi thường công thức lai kinh tế nội X nội. Mặt khác cần phải chấm dứt tình trạng nuôi thuần, không tận dụng ưu thế lai trong khu vực sản xuất thịt như nhiều địa phương ở ta hiện nay. Nhiều nơi chưa đủ khả năng nuôi F1 (50% máu ngoại) đã dùng con đực F1, hoặc tốt hơn đã dùng đực Ý cải tiến (50% máu ngoại) tạo ra những con lai 3/4 máu nội trong khu vực sản xuất lợn thịt.

Tiếc rằng ở nhiều vùng, chúng ta chỉ coi lai ngoại X nội mới là lai kinh tế, nhiều địa

phương không khuyến khích lai nội X nội và không có biện pháp cụ thể để chấm dứt tình trạng nuôi lợn thuần trong khu vực sản xuất lợn thịt bằng lai kinh tế nội X nội và lai kinh tế 3/4 máu nội ở những vùng thức ăn nghèo nàn.

2/ Để những kết quả nghiên cứu nhanh chóng phổ biến ra sản xuất. Viện nghiên cứu Đồng cỏ và Viện Chăn nuôi-thú y của Mông Cổ đã có hình thức ký hợp đồng với hợp tác xã và các nông trường.

Năm 1978, Viện Chăn nuôi-thú y ký 40 hợp đồng. Trong hợp đồng ghi rõ cơ sở phải cử đủ người, phải chuẩn bị đủ điều kiện cho Viện, ngược lại Viện phải nghiên cứu giúp cơ sở nên áp dụng tiến bộ kỹ thuật ở đâu, áp dụng như thế nào? diện tích rộng hay hẹp? Nếu cơ sở bảo đảm đủ điều kiện quy định thì năng suất phải bảo đảm đạt bao nhiêu? kết quả làm ra do hai bên cùng xác nhận.

Khi năng suất vượt hợp đồng có xét thưởng cho Viện. Năm thứ hai, Viện được hưởng 50% lãi do kỹ thuật mới đưa vào. Do ký hợp đồng như vậy Viện có điều kiện mở rộng diện ứng dụng kết quả thí nghiệm ra sản xuất sau khi đã làm trong diện hẹp.

Chúng tôi thấy Viện Chăn nuôi-thú y có 14 nông trường, 12 hợp tác xã, 130 điểm nghiên cứu. Chúng tôi đã thăm 1 trong 14 nông trường là cơ sở của Viện như trên đã nói. Đó là một nông trường có 39.000 héc-ta, 156 người, 10 nghìn gia súc, đặt dưới sự chỉ đạo của Cục Nông trường và hạch toán độc lập. Vậy thì sao gọi là nông trường thí nghiệm của Viện?

Các đồng chí giải thích như sau: Viện ký hợp đồng với Nông trường. Nông trường dành cả một trại bò tương đối hiện đại để nuôi bò thí nghiệm theo yêu cầu của Viện. Viện cử một người theo dõi thí nghiệm đồng thời làm trại trưởng. Trại trưởng hưởng 100% lương của Viện, lại thêm phụ cấp 40% lương do nông trường đài thọ. Viện chỉ phải trả 10% - 15% tổn kém cho nông trường. Đồng chí trại trưởng là cán bộ của Viện này một năm được dành 1 tháng để đọc sách và viết báo cáo tổng kết thí nghiệm cho Viện.

Qua đó, chúng tôi thấy rõ được cách quản lý kinh tế của Mông Cổ. Các đồng chí không mắc phải khuyết điểm của chế độ hành chính bao cấp. Do kinh phí thí nghiệm không tốn kém, lại hạch toán rành rọt - đã là nông trường thì phải hạch toán kinh tế, nên không lãng phí. Khi cần làm thí nghiệm thì Viện chỉ phải chi phí 10 - 15% cho nông trường, như vậy cũng tiết kiệm được quỹ thí nghiệm.

Chính vì cách làm như vậy nên thí nghiệm của Viện được nông trường, hợp tác xã công nhận dễ dàng, vì được khảo nghiệm ngay ở cơ

sở sản xuất; lỗ lãi rõ ràng, do đó mà các cơ sở dễ dàng tiếp thu, tiến bộ kỹ thuật của Viện đưa ra dễ dàng được thực hiện. (Liên hệ với ta, Viện Chăn nuôi cũng đã có kinh nghiệm thực tế trong việc khoán cho hợp tác xã để làm thí nghiệm lai tạo giống lợn, và kết quả thực tế thu được là các hợp tác xã chung quanh tiếp thu kỹ thuật đã được khảo nghiệm ở hợp tác xã thí nghiệm có khi nhanh hơn nhiều so với thí nghiệm làm tại cơ sở Nhà nước).

Nhưng nhân tố quyết định là *con người*. Những nghiên cứu tại cơ sở sản xuất, những điểm hợp đồng đưa tiến bộ kỹ thuật ra sản xuất không thể thành công nếu cán bộ của Viện không nhiệt tình, trách nhiệm không cao và kém năng lực. Để khuyến khích cán bộ đi cơ sở sản xuất, *chế độ tiền lương* của Mông Cồ rất rõ rệt. Đồng chí Cục trưởng Cục Thú y cho tôi biết như sau: khi vừa ra trường, nếu cán bộ ngồi tại phòng làm việc ở thủ đô thì được hưởng lương 650 tugorich, về tỉnh công tác thì hưởng lương 700 tugorich, về huyện và cơ sở thì lương là 800 tugorich.

Một đồng chí phó tiến sĩ, trưởng phòng nghiên cứu của Viện Chăn nuôi-thú y cho tôi biết: do Viện giúp xí nghiệp chế biến sữa áp dụng phương pháp chế biến mới, xí nghiệp này hàng năm lãi 400 - 500 nghìn tugorich

(5 tugorich = 1 rúp). Khi xí nghiệp có lãi như vậy, thì Viện được thưởng 10 - 15% tiền lãi. Tùy đề tài, có đề tài giá trị được thưởng tới vài ba năm lãi.

Từ bài học của Mông Cồ, chúng tôi thấy cần nghiên cứu lại hệ thống cơ sở thí nghiệm của ta. Nếu những cơ sở thí nghiệm của trường, của Viện *chỉ bó hẹp ở hình thức kinh phí sự nghiệp như hiện nay sẽ có nhiều mặt khó khăn*. Lương anh em cán bộ nghiên cứu tất nhiên là lương sự nghiệp. Những cơ sở nghiên cứu đó của ta hiện nay cần xem xét lại. Đó phải là những cơ sở *hạch toán kinh tế* thì mới thực sự chủ động trong sản xuất, người sản xuất mới thực sự được kích thích bằng chế độ khuyến khích vật chất. Khi cần nghiên cứu, có kinh phí cho việc cân đong đo đếm, theo dõi thí nghiệm v.v., chi phí này không bao gồm toàn bộ như hiện nay, nó chỉ cần 10 - 15% chi phí cho sản xuất của nông trường hay hợp tác xã. Do vậy mà cả thí nghiệm cũng nên hạch toán, cơ sở sản xuất cũng hạch toán. Với cách làm này cho phép cán bộ kỹ thuật có thể làm thí nghiệm ở nhiều nông trường, hợp tác xã... nơi nào thuận tiện, nhiệt tình.

Cũng với cách làm này cho phép Nhà nước áp dụng chế độ hạch toán kinh tế ở hầu hết các cơ sở thí nghiệm hiện nay ở Viện, ở trường v.v...